Biểu mẫu 05

UBND HUYỆN EAKAR
TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN CỪ

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học: 2019 - 2020

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	70	90	72	70	81
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	22 tiết	23	23 tiết	25 tiết	25 tiết
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Thực hiện tốt	Thực hiện tốt	Thực hiện tốt	Thực hiện tốt	Thực hiện tốt
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tặng quà cho HS nghèo	Tặng quà cho HS nghèo	Tặng quà cho HS nghèo	Tặng quà cho HS nghèo	Tặng quà cho HS nghèo
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	70	90	72	70	81
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	70	90	72	70	81

Cư Ni, ngày 10 tháng 07 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hồng Lan

UBND HUYỆN EAKAR

Biểu mẫu 06

TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN CỪ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học: 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	383	70	90	72	70	81
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày**	383	70	90	72	70	81
III	**Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất**						
1	*Tốt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	164 (42.8)	32 (45.7)	21 (23.3)	38 (52.8)	32 (45.7)	41 (50.6)
2	*Đạt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	219 (57.2)	38 (54.3)	69 (76.7)	34 (47.2)	38 (54.3)	40 (49.4)
3	*Cần cố gắng* *(tỷ lệ so với tổng số)*						
IV	**Số học sinh chia theo kết quả học tập**						
1	*Hoàn thành tốt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	173 (45.2)	32 (45.7)	36 (40.0)	36 (50.0)	33 (47.1)	36 (44.4)
2	*Hoàn thành* *(tỷ lệ so với tổng số)*	210 (54.8)	38 (54.3)	54 (60.0)	36 (50.0)	37 (52.9)	45 (55.6)
3	*Chưa hoàn thành* *(tỷ lệ so với tổng số)*						
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	383 (100)	70 (100)	90 (100)	72 (100)	70 (100)	81 (100)
a	*Trong đó:* *HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)*	222 (58.0)	39 (55.7)	47 (52.2)	2	44 (62.9)	47 (58.0)
b	*HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)*	14 (3.7)	4 (5.7)		2 (2.7)	3 (4.3)	5 (6.2)
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0					

Cư Ni, ngày 10 tháng 07 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN CỪ

Trần Thị Hồng Lan

Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN HUYỆN EAKAR
TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN CỪ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	14	2.0 Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	8	1.1 Số m^2/học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	6	0.86 Số m^2/học sinh
3	Phòng học tạm	-	
4	Phòng học nhờ, mượn	-	
III	**Số điểm trường lẻ**	1	
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	6937	18.1 Số m^2/học sinh
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	4040	10.5 Số m^2/học sinh
VI	**Tổng diện tích các phòng**	1225	3.1 Số m^2/học sinh
1	Diện tích phòng học (m^2)	770	2.1 Số m^2/học sinh
2	Diện tích thư viện (m^2)	55	0.14 Số m^2/học sinh
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)*	180	0.40 Số m^2/học sinh
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	55	0.14 Số m^2/học sinh
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*	55	0.14 Số m^2/học sinh
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	55	0.14 Số m^2/học sinh
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*	55	0.14 Số m^2/học sinh
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*		
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*	55	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	**21**	1.5 Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	**21**	
1.1	Khối lớp 1	4	
1.2	Khối lớp 2	4	
1.3	Khối lớp 3	4	
1.4	Khối lớp 4	5	
1.5	Khối lớp 5	4	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	**0**	
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học**	9	42 hs/bộ

	tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**	14	1 số TB/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác(Đàn ocgan,loa kéo,bộ loa dạy tiếng anh,bộ lao dạy mỹ thuật)	4	
6	…..		

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	**Nhà bếp**	54
XI	**Nhà ăn**	173

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	5	179	1,5
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		0.05
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XVII	**Kết nối internet**	X	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	X	
XIX	**Tường rào xây**	X	

Cư Ni, ngày 10 tháng 07 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hồng Lan

UBND HUYỆN EAKAR
TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN CỪ

Biểu mẫu 08

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học: 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc (Tốt)	Khá	Trung bình (Đạt)	Kém (chưa đạt)
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**29**			**18**	**6**	**4**	**1**	**5**	**6**	**18**		**21**		**3**
I	**Giáo viên**	**22**			**15**	**6**	**1**		**1**	**6**	**15**		**19**		**3**
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	0													
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	2			2						2		2		
3	Tin học	1			1						1		1		
4	Âm nhạc	1			1						1		1		
5	Mỹ thuật	1				1				1			1		
6	Thể dục	1			1						1		1		
II	**Cán bộ quản lý**	**2**			**2**								**2**		
1	Hiệu trưởng	1			1						1		1		
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1		1		
III	**Nhân viên**	**5**			**1**		**3**	**1**							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Bảo vệ	1					1								
10	Nhân viên phục vụ	1						1							

Cư Ni, ngày 10 tháng 07 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hồng Lan